

Số: /KH-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

### **Quan trắc, cảnh báo, giám sát môi trường và phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021-2025**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Thú y số 75/2015/QH13 ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh cho động vật thủy;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch quốc gia phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021-2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 1151/QĐ-BNN-TCTS ngày 19/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ văn bản số 7262/BNN-TCTS ngày 20/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chỉ đạo, xây dựng và phê duyệt kinh phí quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2021;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 79/TTr-SNN ngày 22/4/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Kế hoạch Quan trắc, cảnh báo, giám sát môi trường và phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021-2025, với các nội dung cụ thể như sau:*

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Tổ chức theo dõi, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường để kịp thời đưa ra những cảnh báo về những diễn biến bất thường, nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường nước nuôi thủy sản, nguy cơ dịch bệnh, biện pháp xử lý giảm thiểu rủi ro, thiệt hại cho người nuôi; đồng thời khống chế và kiểm soát có hiệu quả một số dịch bệnh nguy hiểm thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh.

### **2. Yêu cầu**

- Quan trắc, cảnh báo môi trường, giám sát dịch bệnh phải được thực hiện thường xuyên, có hệ thống nhằm phát hiện những yếu tố có nguy cơ tác động xấu đến môi trường nuôi trồng thủy sản, thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý thủy sản, thú y; cảnh báo và hướng dẫn người nuôi thực hiện các biện pháp xử lý và khắc phục kịp thời, hiệu quả.

- Giám sát, phát hiện và hướng dẫn xử lý kịp thời dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, không để dịch bệnh lây lan rộng, giảm thiểu thiệt hại kinh tế cho người nuôi thủy sản.

## II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

### 1. Quan trắc môi trường vùng nuôi thủy sản

#### 1.1. Đối tượng quan trắc

Quan trắc chất lượng môi trường nước phục vụ nuôi trồng thủy sản tại các vị trí: Nguồn nước tiếp giáp với khu nuôi cá lồng trên sông Đà, sông Lô; Ao nuôi đại diện cho vùng nuôi tập trung; Lồng nuôi đại diện trên sông và hồ chứa có hoạt động nuôi cá lồng.

#### 1.2. Địa điểm quan trắc

- Địa điểm quan trắc môi trường nước tại vị trí nguồn nước tiếp giáp với khu nuôi cá lồng trên sông cụ thể như sau:

+ Trên sông Đà tại xã Tu Vũ - huyện Thanh Thủy;

+ Trên sông Lô tại thị trấn Đoan Hùng - huyện Đoan Hùng;

- Địa điểm quan trắc tại ao nuôi đại diện cho vùng nuôi tập trung cụ thể như sau: Khu nuôi tập trung xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao; Khu nuôi tập trung xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê; Khu nuôi tập trung xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy.

- Địa điểm quan trắc tại lồng nuôi đại diện trên sông tại xã Vụ Quang, huyện Đoan Hùng; xã Hùng Lô, thành phố Việt Trì và xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy.

- Địa điểm quan trắc tại các hồ chứa có hoạt động nuôi cá lồng: Hồ Ngòi Vân - huyện Hạ Hòa; Hồ Dục Gạo - huyện Cẩm Khê.

#### 1.3. Thông số, tần suất, số điểm quan trắc

##### 1.3.1. Thông số quan trắc:

- Tại vị trí nguồn nước tiếp giáp với khu nuôi cá lồng và tại các lồng đại diện trên sông Đà, sông Lô tiến hành quan trắc các thông số: nhiệt độ, pH, Oxy hòa tan (DO), độ trong, NH<sub>3</sub>, NO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, tổng chất rắn lơ lửng (TSS).

- Tại vị trí ao nuôi đại diện và hồ chứa có hoạt động nuôi cá lồng tiến hành quan trắc các thông số: Nhiệt độ, pH, độ trong, NH<sub>3</sub>, NO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, (DO), nhu cầu oxy hóa học (COD), *Aeromonas* tổng số, *Streptococcus* tổng số.

##### 1.3.2. Tần suất quan trắc:

TT	Vị trí quan trắc	Thông số	Thời gian quan trắc	Tần suất quan trắc	Quan trắc đột xuất
1	- Nguồn nước tiếp giáp với khu vực nuôi cá lồng; - Lồng đại diện	Nhiệt độ, pH, DO, độ trong	Tháng 01 đến tháng 12 hàng năm	01 lần/tuần	. - Khi môi trường có diễn biến bất thường (mưa,
		NH <sub>3</sub> , NO <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> S	Tháng 01 đến tháng 12 hàng năm	01 lần/tháng	

	trên sông Đà, sông Lô	TSS	Tháng 01,3,5,7,9,11 hàng năm	01 lần/tháng	nắng nóng kéo dài).
2	- Ao nuôi đại diện; - Hồ chứa có hoạt động nuôi cá lồng	Nhiệt độ, pH, DO, độ trong	Tháng 01 đến tháng 12 hàng năm	01 lần/tuần	- Khi khu vực nuôi cá xảy ra dịch bệnh.
		NH <sub>3</sub> , NO <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> S	Tháng 01 đến tháng 12 hàng năm	01 lần/tháng	
		COD, <i>Aeromonas</i> tổng số, <i>Streptococcus</i> tổng số	Tháng 01,3,5,7,9,11 hàng năm	01 lần/tháng	

### 1.3.3. Số điểm quan trắc

- Đối với vị trí nguồn nước tiếp giáp với khu nuôi cá lồng trên sông và lồng nuôi đại diện trên sông: Tiến hành quan trắc tại 01 điểm, mỗi điểm thu 01 mẫu. Mẫu thu và điểm thu mẫu lựa chọn ngẫu nhiên, có tính đại diện cho cả khu vực nuôi.

- Đối với vị trí ao nuôi đại diện tại các khu nuôi tập trung: Tiến hành quan trắc tại 3 điểm, mỗi điểm tiến hành thu 01 mẫu. Mẫu thu và điểm thu mẫu lựa chọn ngẫu nhiên, có tính đại diện cho cả khu vực nuôi.

- Đối với vị trí hồ chứa có hoạt động nuôi cá lồng: Tiến hành quan trắc tại 02 điểm, mỗi điểm thu 01 mẫu (1 điểm ở giữa hồ và 1 điểm tại lồng nuôi).

- Tổng số điểm quan trắc trong giai đoạn 2021-2025 là 64 điểm; trong đó:

+ Trung ương thực hiện quan trắc tại 4 điểm nuôi cá lồng (tại Quyết định số 1151/QĐ-BNN-TCTS ngày 19/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT): xã Hùng Long (Đoan Hùng), xã Xuân Lộc (Thanh Thủy), xã Quang Húc (Tam Nông) và xã Xuân Đài (Tân Sơn).

+ Tỉnh Phú Thọ thực hiện quan trắc tại 60 điểm, cụ thể: 10 điểm thu mẫu tại vị trí nguồn nước tiếp giáp với khu nuôi cá lồng trên sông; 15 điểm thu mẫu tại lồng nuôi đại diện trên sông; 15 điểm thu mẫu tại vị trí ao nuôi đại diện tại các khu nuôi tập trung; 20 điểm thu mẫu tại giữa hồ chứa có hoạt động nuôi cá lồng.

*(Có phụ biểu kèm theo)*

### 1.4. Công tác xử lý thông tin quan trắc

Kết quả quan trắc môi trường, giám sát dịch bệnh được Sở Nông nghiệp và PTNT cập nhật, xử lý và thông báo đến UBND các huyện, thành, thị, Sở Tài nguyên và Môi trường, các địa phương có điểm quan trắc môi trường phổ biến đến người nuôi trên địa bàn; Đồng thời, Sở Nông nghiệp và PTNT cập nhật kết quả quan trắc vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia để tích hợp chung cả nước.

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong việc truyền tải kết quả quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản đến các địa phương, các trang trại, chủ hộ nuôi có quy mô lớn để người nuôi nắm bắt được thông tin kết quả quan

trắc trong thời gian sớm nhất, chủ động áp dụng các biện pháp quản lý môi trường ao nuôi, hạn chế thấp nhất nguy cơ bùng phát dịch bệnh do môi trường.

## **2. Phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi**

### **2.1. Giám sát dịch bệnh**

#### *a) Giám sát chủ động*

- Đối tượng giám sát: Các loài cá nước ngọt nuôi theo hình thức lồng bè; các cơ sở sản xuất giống thủy sản.

- Các chỉ tiêu bệnh được giám sát: 07 chỉ tiêu bệnh thủy sản. Cụ thể: Bệnh xuất huyết mùa xuân (SVC), bệnh do Hoi Herpes virus (KHV), bệnh nhiễm khuẩn do Steptococcus trên đối tượng cá trắm, cá chép, cá trôi, cá rô phi, cá diêu hồng; bệnh gan thận mũ, bệnh xuất huyết trên đối tượng cá da trơn; bệnh do virus TiLV, trên đối tượng cá rô phi, diêu hồng; bệnh trắng đuôi (WTD) trên tôm càng xanh.

- Tần suất giám sát: 02 đợt/năm (đợt 1 vào tháng 2-3; đợt 2 vào tháng 9-10 hàng năm). Số mẫu giám sát dự kiến: 56 mẫu/năm (dự kiến mỗi đợt lấy mẫu tại 04 điểm nuôi lồng bè trọng điểm gồm Đuan Hùng, Phù Ninh, Việt Trì, Thanh Thủy, Cẩm Khê và một số cơ sở sản xuất giống).

#### *b) Giám sát bị động*

Khi phát hiện trường hợp nghi mắc bệnh nguy hiểm, bệnh mới, cơ quan thú y phối hợp các đơn vị có liên quan tiến hành điều tra ổ dịch và tiến hành thu mẫu bệnh phẩm, môi trường để đưa ra các biện pháp phòng, điều trị bệnh hiệu quả, kịp thời. Dự kiến số mẫu xét nghiệm: 50 mẫu.

### **2.2. Kiểm dịch, kiểm soát vận chuyển thủy sản**

- Thực hiện nghiêm qui định về kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản; Thủy sản làm giống lưu thông trong tỉnh phải có nguồn gốc rõ ràng, có xét nghiệm âm tính với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản lưu thông trên địa bàn; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

**2.3. Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh thủy sản:** Vận động, hướng dẫn các cơ sở nuôi trồng thủy sản, nhất là đối với các cơ sở sản xuất giống thủy sản áp dụng các biện pháp nuôi đảm bảo an toàn và đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh theo qui định tại Thông tư 14/2016/TT-BBNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

**2.4. Xử lý ổ dịch:** Thực hiện các biện pháp chống dịch theo qui định tại Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

## **3. Công tác thông tin tuyên truyền**

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường nuôi trồng thủy sản, thú y thủy sản cho cán bộ khuyến nông, người nuôi tại các khu nuôi tập trung, nuôi cá lồng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các phóng sự, chuyên mục, tin, bài về quan trắc môi trường nước và phòng, chống dịch bệnh thủy sản; kịp thời thông tin cảnh báo diễn biến

bất thường của môi trường, nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường nước nuôi thủy sản hoặc nguy cơ phát sinh dịch bệnh, những biện pháp xử lý giảm thiểu rủi ro, thiệt hại,... trên Đài PT-TH tỉnh, Báo Phú Thọ, trên các hệ thống mạng xã hội (Zalo, Facebook...), website của Sở Nông nghiệp và PTNT và hệ thống đài truyền thanh cấp huyện, xã.

- Hằng năm xây dựng từ 1 - 2 mô hình ứng dụng công nghệ quan trắc, cảnh báo môi trường phục vụ hoạt động nuôi thâm canh, phát triển thủy sản bền vững để tuyên truyền khuyến cáo người nuôi áp dụng, nhân rộng.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Dự kiến phí thực hiện kế hoạch:** 1.471.020.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm bảy mươi một triệu, không trăm hai mươi ngàn đồng*). Trong đó:

- Chi phí mua dụng cụ quan trắc môi trường, thuê xe lấy mẫu, gửi mẫu: 302.917.000 đồng.

- Chi phí phân tích mẫu: 253.083.000 đồng.

- Chi phí lấy mẫu giám sát dịch bệnh: 221.020.000 đồng.

- Chi phí thông tin tuyên truyền, xây dựng mô hình: 694.000.000 đồng.

**2. Nguồn kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách chi hàng năm của các đơn vị được phân công nhiệm vụ.**

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Nông nghiệp và PTNT:** Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc thực hiện các nội dung sau:

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp chặt chẽ triển khai các nội dung kế hoạch đảm bảo hiệu quả công tác quan trắc môi trường và phòng, chống dịch bệnh thủy sản trên địa bàn.

- Giao Chi cục Thủy sản: Tổ chức thực hiện quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản tại địa phương sau khi kế hoạch được phê duyệt.

- Trên cơ sở các số liệu quan trắc cảnh báo môi trường chỉ đạo xây dựng Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

- Trên cơ sở khối lượng công việc hàng năm, lập dự toán trình UBND tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường liên quan kịp thời thông báo diễn biến tình hình môi trường nuôi thủy sản đến người nuôi trồng thủy sản.

### **2. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

- Thực hiện theo dõi diễn biến chất lượng môi trường nước mặt các vị trí tiếp nhận nguồn thải từ hoạt động sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của các nhà máy, khu công nghiệp, khu chăn nuôi, khu dân cư đổ vào khu vực nuôi cá lồng sông Đà, sông Lô, sông Bứa; thông tin cho Sở Nông nghiệp và PTNT những

diễn biến bất thường để phối hợp khuyến cáo người nuôi trồng có kế hoạch sản xuất phù hợp, hiệu quả.

- Tổ chức thanh, kiểm tra các nhà máy, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, trang trại chăn nuôi có nguy cơ gây ô nhiễm trên địa bàn và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm theo quy định.

### **3. Sở Tài chính:**

Tham mưu với UBND tỉnh bố trí kinh phí cho công tác quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi thủy sản theo quy định của pháp luật; kiểm tra, hướng dẫn sử dụng, quyết toán và kiểm tra việc sử dụng kinh phí phục vụ công tác quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi thủy sản.

### **4. UBND các huyện, thành, thị:**

- Tuyên truyền, phổ biến, cảnh báo kết quả quan trắc môi trường vùng nuôi trồng thủy sản cho người nuôi trên địa bàn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong quá trình triển khai thực hiện thu mẫu và các nội dung có liên quan đến công tác quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản.

Trên đây là Kế hoạch Quan trắc, cảnh báo, giám sát môi trường và phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021-2025. Yêu cầu Giám đốc các Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch./.

#### ***Nơi nhận:***

- Bộ NN và PTNT (b/c);
- CT, các PCT;
- Tổng cục Thủy sản (Bộ NNPTNT);
- Các sở: NN và PTNT, TN & MT, KH & ĐT, Tài chính, TT & TT;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Báo Phú Thọ, Đài PTTH Phú Thọ;
- CVNCTH;
- Lưu: VT, KT6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Hải**

**PHỤ LỤC: CHI TIẾT SỐ ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÙNG NUÔI THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Phú Thọ)

T	T	Địa phương	Tổng số điểm quan trắc	Trong đó																						Điểm quan trắc								
				Năm 2021						Năm 2022						Năm 2023						Năm 2024						Năm 2025						
				Số điểm	Trên sông		Ao nuôi	Hồ chứa		Số điểm	Trên sông		Ao nuôi	Hồ chứa		Số điểm	Trên sông		Ao nuôi	Hồ chứa		Số điểm	Trên sông		Ao nuôi		Hồ chứa							
					Nguồn nước	Lông		Giữa hồ	Lông nuôi		Nguồn nước	Lông		Giữa hồ	Lông nuôi		Nguồn nước	Lông		Giữa hồ	Lông nuôi		Nguồn nước	Lông			Giữa hồ	Lông nuôi	Nguồn nước	Lông	Giữa hồ	Lông nuôi		
<b>Tổng:</b>		<b>60</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>								
1	Việt Trì	5	1		1				1		1				1		1				1		1				Hùng Lô							
2	Đoan Hùng	10	2	1	1				2	1	1				2	1	1				2	1	1				TT Đoan Hùng, Vụ Quang							
3	Hạ Hoà	10	2				1	1	2				1	1	2				1	1	2				1	1	Hiền Lương							
4	Cẩm Khê	15	3			1	1	1	3				1	1	1	3				1	1	1	3			1	1	Văn Khúc, Tuy Lộc, Điều Lương						
5	Lâm Thao	5	1			1			1						1						1					1	Thạch Sơn, Vĩnh Lại							
6	Thanh thủy	15	3	1	1	1			3	1	1	1			3	1	1	1			3	1	1	1			Tu Vũ, Bảo Yên, Sơn Thủy							

